

**QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng  
Nhà nước số 582/2003/QĐ-NHNN  
ngày 09/6/2003 về việc điều chỉnh  
dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức  
tín dụng.**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước số 01/1997/  
QH10 và Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/  
QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày  
05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng,  
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ,  
cơ quan ngang Bộ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách  
tiền tệ,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Tiền gửi phải dự trữ bắt buộc theo quy định tại Điều 12 Quy chế dự trữ bắt buộc ban hành kèm theo Quyết định số 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09/6/2003 là loại tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 24 tháng.

**Điều 2.** Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng Đồng Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng như sau:

1. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng Đồng Việt Nam áp dụng như sau :

a) Các ngân hàng thương mại Nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), ngân hàng thương mại cổ phần đô thị, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính là 3% trên tổng số dư tiền gửi phải dự trữ bắt buộc.

b) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 2% trên tổng số dư tiền gửi phải dự trữ bắt buộc.

c) Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn, Quỹ tín dụng nhân dân trung ương, ngân hàng hợp tác là 1% trên tổng số dư tiền gửi phải dự trữ bắt buộc.

2. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng đến dưới 24 tháng bằng Đồng Việt Nam đối với các ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần đô thị, ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn, ngân hàng hợp tác, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân trung ương, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính là 1% trên tổng số dư tiền gửi phải dự trữ bắt buộc.

**Điều 3.** Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng ngoại tệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng như sau:

1. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng ngoại tệ áp dụng cho các ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần đô thị, ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn, ngân hàng hợp tác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân trung ương là 4% trên tổng số dư tiền gửi bằng ngoại tệ phải dự trữ bắt buộc.

2. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng đến dưới 24 tháng bằng ngoại tệ áp dụng cho các ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần đô thị, ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn, ngân hàng hợp tác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, quỹ tín dụng nhân dân trung ương, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính là 1% trên tổng số dư tiền gửi bằng ngoại tệ phải dự trữ bắt buộc.

**Điều 4.** Trường hợp tổ chức tín dụng được



Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép huy động vốn bằng vàng hiện vật và cho vay bằng vàng hiện vật thì đối với số vốn huy động bằng vàng hiện vật đó, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 0%. Trường hợp tổ chức tín dụng được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép huy động vốn bằng vàng hiện vật nhưng chuyển đổi số vàng hiện vật huy động được thành vốn bằng tiền để cho vay thì số vốn chuyển đổi thành tiền phải thực hiện dự trữ bắt buộc như quy định dự trữ bắt buộc bằng tiền.

**Điều 5.** Đối với tiền gửi của các tổ chức tín dụng có số dư tiền gửi huy động phải tính dự trữ bắt buộc dưới 500 triệu đồng, của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và Ngân hàng Chính sách xã hội, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 0% trên tổng số dư tiền gửi.

**Điều 6.** Tiền gửi dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng gửi tại Ngân hàng Nhà nước trong phạm vi mức dự trữ bắt buộc quy định được áp dụng mức lãi suất 0%/tháng.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực thi hành

kể từ kỳ duy trì dự trữ bắt buộc tháng 8 năm 2003 và thay thế các Quyết định số 235/1999/QĐ-NHNN ngày 05/7/1999, Quyết định số 560/2001/QĐ-NHNN ngày 27/4/2001, Quyết định số 1277/2002/QĐ-NHNN ngày 18/11/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 8.** Vụ Kế toán Tài chính có trách nhiệm trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn bổ sung Hệ thống tài khoản kế toán của tổ chức tín dụng để theo dõi thêm số dư tiền gửi huy động từ 12 tháng đến dưới 24 tháng.

**Điều 9.** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Ngân hàng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ trưởng Vụ Kế toán Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY